

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/DS-ST

Ngày: 30-01-2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Trần Văn Nghiệm.

2. Bà: Trần Thu Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Tú – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 494/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2023, về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Tô Kim T, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: K, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

- Bị đơn: - Trần Thị Thu Th (Tên thường gọi: Q), sinh năm 1977 (vắng mặt).

- Trần Minh H (Tên thường gọi: Chín T), sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T.

- Người làm chứng:

+ Lê Thị H, sinh năm 1949 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: K, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

+ Bùi Thị Kim T, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Tô Kim T trình bày:**

Bà Trần Thị Thu Th (tên thường gọi Q) làm thảo hui. Bà Tô Kim T tham gia dây hui mở ngày 01/5/2023, hui 1.000.000 đồng/ngày, mỗi ngày kêu hui 01 lần, có 40 phần; bà T tham gia 01 phần, đóng được 40 kỳ số tiền là 144.000.000 đồng. Ngày 10/6/2023, bà Th kêu bẻ hui và có viết 01 tờ giấy xác nhận nợ bà T số tiền hui là 144.000.000 đồng, ký tên thường gọi là Q. Bà Th đại diện làm thảo hui cùng với

chồng là ông Trần Minh H (tên thường gọi: Chín T) góp tiền hụi, sử dụng tiền huê hồng để chi tiêu kinh tế trong gia đình; nên ông Trần Minh H phải có trách nhiệm liên đới với bà Th trả tiền hụi cho bà T.

Bà T yêu cầu bà Th và ông H liên đới trả cho bà T tiền hụi 144.000.000 đồng; trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại phiên tòa, cũng như trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn bà Trần Thị Thu Th và ông Trần Minh H vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến.*

** Người làm chứng:*

- Bà Lê Thị H có đơn xin vắng mặt; theo biên bản lấy lời khai, bà H trình bày: Vào ngày 10/6/2023 âm lịch, tại nhà bà Trần Thị Thu Th, giữa bà Th với bà T thỏa thuận bà Th nợ bà T tiền hụi 144.000.000 đồng. Bà H có trực tiếp chứng kiến bà Th viết tờ giấy nợ tiền hụi bà T, bà Th có ký tên Q trong tờ giấy nợ tiền hụi do bà Th viết.

- Bà Bùi Thị Kim Th có đơn xin vắng mặt; theo biên bản lấy lời khai; chị Th trình bày: Vào năm 2023 (không nhớ ngày, tháng); tại nhà bà Trần Thị Thu Th, giữa bà Th với bà T có thỏa thuận về số tiền hụi bà Th nợ bà T, bà Th có trực tiếp chứng kiến bà Th viết tờ giấy nợ bà T số tiền hụi 144.000.000 đồng, bà Th có ký tên Q vào tờ giấy nợ hụi do bà Th viết.

*** Ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc bà Th và ông H liên đới trả cho bà T tiền hụi 144.000.000 đồng; trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng góp hụi”. Căn cứ, giải quyết theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

[2] Bị đơn bà Trần Thị Thu Th và ông Trần Minh H đã được tổng đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập tham gia phiên tòa đúng quy định của pháp luật, nhưng vắng mặt không rõ lý do; người làm chứng bà Lê Thị H và bà Bùi Thị Kim Th có đơn xin vắng mặt. Do đó, xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 227 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà Tô Kim T yêu cầu bà Trần Thị Thu Th và ông Trần Minh H liên đới trả số tiền hụi 144.000.000 đồng; xét thấy:

Trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bà Tô Kim T có cung cấp tờ giấy viết tay (bút lục số 15), có nội dung: “Ngày 10/06/2023 chị T có chơi hụi ngày của em Q số tiền là 144.000.000. Một Trăm Bốn Bốn Triệu đồng chẵn”; đồng thời người làm chứng Lê Thị H và Bùi Thị Kim Th có trực tiếp chứng kiến bà Th với bà T thỏa thuận bà Th có nợ bà T số tiền 144.000.000 và viết giấy nợ tiền hụi bà T. Bà Th và ông H đã được nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng, các tài liệu, chứng cứ, nội dung yêu cầu khởi kiện của bà T cho

bà Th và ông H, nhưng vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến; chứng tỏ bà Th và ông H đã từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình, không thực hiện nghĩa vụ trả tiền hối cho bà T.

Bà Th làm thảo hối, tham gia góp hối trong thời gian dài, cũng như việc góp tiền hối sử dụng chung trong gia đình; ông H với bà Th là vợ chồng, có tài sản chung; nên bà T yêu cầu bà Th và ông H liên đới trả tiền cho bà T số tiền 144.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Th và ông H phải liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện viện kiểm sát là có căn cứ, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 471; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
 - Điều 147, 227, 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
 - Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Kim T.

1. Buộc bà Trần Thị Thu Th và ông Trần Minh H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Tô Kim T số tiền hối 144.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng*); trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Bà Th và ông H phải liên đới chịu 7.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
 - Hoàn lại cho bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.600.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0009006 ngày 13/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Bà T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Th và ông H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
 THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu